

NGHIÊN CỨU GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TẠI BỘ XÂY DỰNG

Nguyễn Quang Minh^{a,*}

^aVụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Xây dựng,
37 phố Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 25/01/2021, Sửa xong 24/05/2021, Chấp nhận đăng 25/05/2021

Tóm tắt

Khảo sát thực trạng chất lượng công tác quản lý hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) tại Bộ Xây dựng trong giai đoạn 2011 - 2019 cho thấy bên cạnh những thành công vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Quan điểm, mục tiêu nâng cao chất lượng quản lý hoạt động KH&CN tại Bộ Xây dựng là luôn bám sát quan điểm, chiến lược của Đảng, Nhà nước về phát triển KH&CN, tuân thủ chiến lược phát triển ngành xây dựng nói chung, chiến lược phát triển KH&CN ngành xây dựng nói riêng trong giai đoạn mới. Bài báo đã trình bày cơ sở để xác định giải pháp một cách nhất quán theo hướng tác động tích cực vào các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng quản lý hoạt động KH&CN tại Bộ Xây dựng, từ đó nâng cao được chất lượng cho từng nhiệm vụ KH&CN cũng như cho tổng thể hoạt động KH&CN. Trong bài báo này, bốn giải pháp mang tính tổng hợp, có tính mới, tính khả thi đã được đề xuất. Các giải pháp này có mối quan hệ chặt chẽ, logic với nhau, vừa là cơ sở và vừa là động lực của nhau.

Từ khoá: khoa học và công nghệ; nâng cao chất lượng; quản lý; giải pháp; Bộ Xây dựng.

STUDY ON SOLUTIONS TO IMPROVE THE QUALITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY ACTIVITIES MANAGEMENT AT THE MINISTRY OF CONSTRUCTION

Abstract

Examining the quality situation of science and technology activities management at the Ministry of Construction during the period 2011 – 2019 reveals not only achievements but also disadvantages. The viewpoint and the goal improving the quality of management of science and technology activities at the Ministry of Construction always follow the Party's and State's views and strategies on scientific and technological development, and comply with the construction development strategy in general, science and technology development strategy for construction industry in particular in a new period. The article presented the basic to identify the consistent solutions towards a positive impact on factors affecting the quality of science and technology management activities at the Ministry of Construction to improve the quality of each science and technology task as well as in both scientific and technological activities. In this article, four integrated solutions with new features and feasibility were proposed. These solutions have a close, logical relationship with each other, which is both the basis and the motivation of each other.

Keywords: science and technology; quality improvement; management; solutions; Ministry of Construction.

[https://doi.org/10.31814/stce.nuce2021-15\(2V\)-15](https://doi.org/10.31814/stce.nuce2021-15(2V)-15) © 2021 Trường Đại học Xây dựng (NUCE)

*Tác giả đại diện. Địa chỉ e-mail: minhbxd@yahoo.com (Minh, N. Q.)

1. Một số hạn chế cơ bản và nguyên nhân hạn chế trong quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Bộ Xây dựng

Ở những nghiên cứu trước [1–5] tác giả đã tiến hành khảo sát và phân tích được thực trạng trong quản lý hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) tại Bộ Xây dựng (BXD) trong giai đoạn từ 2011 - 2019. Từ những thực trạng như vậy, bên cạnh những thành công đã đạt được thì dưới đây là một số hạn chế cơ bản và nguyên nhân hạn chế về chất lượng quản lý hoạt động KH&CN tại BXD:

Một là, chất lượng xây dựng chiến lược, kế hoạch vẫn còn thiếu căn cứ khoa học, chưa bám sát với thực tế, chưa bao quát được nhiều mặt liên quan trong cuộc sống; có thể nói các cơ quan, đơn vị nghiên cứu, cũng như những người làm công tác nghiên cứu chưa tham gia vào hoạt động một cách hiệu quả; hầu như chỉ đứng ngoài cuộc hoặc tham gia một cách hình thức theo danh nghĩa. Từ những hạn chế đó dẫn đến chất lượng của công tác xây dựng kế hoạch ở các cấp không đạt được hiệu quả cao, cũng như thiếu tính khả thi do thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức, cá nhân liên quan trong công tác xây dựng kế hoạch. Trong xây dựng nhiệm vụ KH&CN của BXD hiện nay đã có sự tham gia của các đơn vị sử dụng các kết quả nghiên cứu, tuy nhiên những góp ý của các đơn vị đó vẫn chưa thực sự thể hiện được sự chuyên sâu về KH&CN. Bên cạnh đó, các cơ quan quản lý khi xây dựng kế hoạch còn thiếu tầm nhìn tổng quát do thiếu thông tin cụ thể và thiếu tính thực tế.

Hai là, chất lượng cơ cấu tổ chức KH&CN chưa thật sự hiệu quả bởi cơ chế quản lý hành chính sự nghiệp còn mang tính dập khuôn, máy móc, “cứng nhắc”. Một số quy định về quản lý còn gây khó khăn, hạn chế cho sự phát triển và đóng góp của các cơ quan đơn vị đối với sự nghiệp phát triển KH&CN của BXD, cụ thể là: còn ràng buộc về quản lý nhân sự, chức năng nhiệm vụ của cơ quan, cơ chế tài chính, đầu tư cho KH&CN và phát triển nguồn nhân lực cho KH&CN. Công tác quản lý cán bộ khoa học trong Bộ được quy định áp dụng như đối với công chức hành chính nhà nước, như vậy chưa thật sự phù hợp với đặc trưng của lao động KH&CN trong ngành xây dựng.

Ba là, chất lượng nguồn nhân lực KH&CN còn nhiều hạn chế. Những cán bộ trực tiếp làm công tác quản lý KH&CN của Bộ được đào tạo theo đúng chuyên ngành quản lý KH&CN còn khá ít; cơ bản gồm những người thuộc các chuyên ngành khác chuyển sang và làm việc quản lý KH&CN theo kinh nghiệm là chính. Đối với khối nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ (R&D) thì kết quả khảo sát cho thấy, theo chức năng làm việc, số lượng nghiên cứu viên chiếm tỷ lệ lớn trong khi cán bộ kỹ thuật và cán bộ hỗ trợ lại chiếm tỷ lệ nhỏ; điều này cho thấy thực trạng tỷ lệ nghiên cứu thực hành còn ít. Theo khu vực thực hiện, lực lượng R&D chủ yếu tập trung nhiều ở khu vực các trường đại học và tổ chức KH&CN, trong khi đó lực lượng này ở khu vực doanh nghiệp còn khá hạn chế.

Bốn là, trình độ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản lý KH&CN còn hạn chế. Trong thời gian qua, mặc dù BXD đã cố gắng bảo đảm những điều kiện cơ bản về cơ sở vật chất kỹ thuật cho việc ứng dụng CNTT, tuy nhiên việc ứng dụng CNTT vào quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) vẫn còn nhiều hạn chế và bất cập, chưa đạt được hiệu quả cao do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Có thể thấy một bộ phận cán bộ lãnh đạo vẫn chưa có nhận thức đúng đắn, đầy đủ về việc ứng dụng CNTT vào quản lý hoạt động NCKH. Công tác tổ chức đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn và tin học cho đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác quản lý hoạt động NCKH chưa được chú trọng thường xuyên, đúng mức. Cơ sở vật chất CNTT chưa đủ để đáp ứng yêu cầu thực tiễn, còn thiếu các phần mềm quản lý hoạt động NCKH với tiêu chuẩn thống nhất và tích hợp trên hệ thống thông tin phục vụ công tác lãnh đạo, điều hành của BXD.

2. Quan điểm, mục tiêu nâng cao chất lượng quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Bộ Xây dựng

Quan điểm của Đảng, Nhà nước về phát triển KH&CN trong giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được trình bày tại các Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ [6–8]. Bám sát các quan điểm đó và đồng thời đối chiếu với thực tiễn phát triển của hoạt động KH&CN trong ngành xây dựng, BXD đã xác định quan điểm nâng cao chất lượng quản lý KH&CN ngành xây dựng như sau [9–12]:

Một là, hoạt động KH&CN phải gắn kết chặt chẽ với thực tiễn sản xuất và quản lý của ngành, trở thành một lực lượng sản xuất trực tiếp, góp phần thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của ngành trong sự nghiệp phát triển đất nước nói chung và chiến lược phát triển ngành xây dựng nói riêng.

Hai là, huy động mọi nguồn lực trong xã hội để quản lý, phát triển KH&CN ngành xây dựng; tiếp thu và làm chủ các công nghệ tiên tiến; cải tiến, hiện đại hóa và nâng cao hiệu quả các công nghệ truyền thống nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm hàng hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp xây dựng.

Ba là, quản lý KH&CN phải bảo đảm phát triển có trọng tâm, trọng điểm tạo động lực thúc đẩy sự phát triển mạnh và bền vững ngành xây dựng.

Bốn là, nhanh chóng hình thành thị trường KH&CN ngành xây dựng, từng bước xây dựng thị trường KH&CN ngành xây dựng.

Để triển khai hoạt động KH&CN được thống nhất, đồng bộ với những quan điểm của Đảng và Nhà nước nêu trên, BXD đã đưa ra những mục tiêu cụ thể nhằm nâng cao chất lượng quản lý KH&CN như sau [9–12]:

Một là, tập trung quản lý tốt các nguồn lực, nghiên cứu, ứng dụng làm chủ các công nghệ đã và đang sử dụng trong khu vực và trên thế giới vào các hoạt động xây dựng tại Việt Nam. Bên cạnh đó, sử dụng một phần nguồn lực để tiến hành tự nghiên cứu nhằm ứng dụng phù hợp cho các công trình đặc thù ở Việt Nam.

Hai là, cân đối tài chính, ngoài nguồn vốn cho sự nghiệp KH&CN do Ngân sách Nhà nước cấp hàng năm, cần huy động thêm từ các nguồn vốn khác, như doanh nghiệp, dự án hợp tác quốc tế,... Tập trung nguồn vốn vào các nhiệm vụ trọng tâm, tránh dàn trải, đồng thời quản lý tốt nguồn vốn, bảo đảm hiệu quả và có sản phẩm ứng dụng trong thực tiễn.

Ba là, huy động các nguồn lực tham gia phát triển KH&CN. Ngoài các đơn vị nghiên cứu, các doanh nghiệp thuộc BXD, cần huy động cả các đơn vị ngoài Bộ như các trường, viện, doanh nghiệp ngoài ngành, hiệp hội, cũng như các đơn vị KH&CN thuộc sở hữu tư nhân trong và ngoài nước cùng tham gia nghiên cứu phát triển KH&CN nhằm phục vụ phát triển chung của ngành.

Bốn là, có cơ chế kiểm tra, giám sát hiệu quả. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát chặt chẽ tiến độ thực hiện các chương trình, đề án và nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt theo đúng luật định và hướng dẫn.

3. Một số giải pháp nâng cao chất lượng quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Bộ Xây dựng

Để thực hiện được những quan điểm, mục tiêu nâng cao chất lượng quản lý hoạt động KH&CN tại BXD như đã nêu ở trên, dưới đây là sáu giải pháp khoa học được trình bày nhằm nâng cao chất lượng quản lý hoạt động KH&CN tại BXD, từ đó khắc phục được những hạn chế cơ bản và nguyên nhân hạn chế trong quản lý hoạt động KH&CN tại BXD như đã trình bày ở mục 1.

3.1. Quán triệt sâu sắc các quan điểm, mục tiêu nâng cao chất lượng quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

Công tác quán triệt sâu sắc các quan điểm, mục tiêu nâng cao chất lượng quản lý hoạt động KH&CN là giải pháp tiên quyết để triển khai có hiệu quả các nội dung trong các giải pháp tiếp theo.

Một là, phát triển và ứng dụng KH&CN cùng với giáo dục và đào tạo phải thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển đất nước.

Hai là, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động KH&CN là khâu đột phá.

Ba là, nhân lực KH&CN là nhân tố quyết định cho sự phát triển KH&CN.

Bốn là, ưu tiên nguồn lực quốc gia và tạo động lực cho phát triển KH&CN.

Năm là, chủ động hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng với định hướng dài hạn và kế hoạch hợp tác quốc tế trung hạn về KH&CN.

3.2. Đổi mới tư duy, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với hoạt động khoa học và công nghệ

Những năm gần đây, nhận thức của cấp ủy, lãnh đạo của các tổ chức, doanh nghiệp và cán bộ, viên chức, người lao động trong BXD đối với vai trò của KH&CN trong phát triển ngành xây dựng ngày càng được nâng cao. Tuy vậy, vẫn còn một bộ phận cấp ủy, lãnh đạo các cấp từ cơ sở đến trung ương của BXD chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, tầm quan trọng của KH&CN đối với nhiệm vụ chính trị của đơn vị, của ngành. Vì vậy, cần phải nhanh chóng đổi mới tư duy của cấp ủy và lãnh đạo các cấp, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng theo tư duy, chủ trương sát đúng với sự vận động, phát triển của thực tiễn hoạt động KH&CN của ngành xây dựng nước ta hiện nay.

Thứ nhất, cần đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức của cấp ủy Đảng và lãnh đạo các cấp trong cả BXD về vai trò, vị trí quan trọng của KH&CN đối với công cuộc phát triển ngành xây dựng trong điều kiện hội nhập quốc tế.

Đảng ủy, lãnh đạo BXD cần xác định phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động KH&CN là nhiệm vụ chính trị, trọng tâm, then chốt của tất cả các cấp ủy đảng và cơ quan, đơn vị của Bộ. Gần các mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN với các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị trung tâm của từng cơ quan, đơn vị và từng cấp. Thường xuyên nhận thức đầy đủ, đúng đắn và thống nhất về vị trí, vai trò của cấp ủy và lãnh đạo các cấp trong thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

Thứ hai, coi trọng đội ngũ lãnh đạo cấp phòng trong các tổ chức KH&CN của Bộ Xây dựng.

Nhóm cán bộ cấp phòng không chỉ chịu trách nhiệm thực hiện tầm nhìn và chiến lược mà còn xử lý, giải quyết các vấn đề và thách thức có thể tạo ra sự khác biệt quan trọng cho tổ chức. Vì vậy, xây dựng được đội ngũ lãnh đạo cấp phòng có năng lực chuyên môn, có kỹ năng quản lý, có năng lực tổ chức thực hiện hoạt động KH&CN là hết sức quan trọng và cấp thiết đối với các tổ chức KH&CN của BXD hiện nay.

Thứ ba, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước đối với hoạt động KH&CN.

Người đứng đầu cấp ủy Đảng và cơ quan, đơn vị các cấp phải chịu trách nhiệm trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo việc phát huy và phát triển KH&CN. Coi việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN là một tiêu chí đánh giá hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu, của cấp ủy đảng và cơ quan, đơn vị. Ban cán sự đảng, lãnh đạo BXD cần kịp thời cụ thể hoá chiến lược KH&CN ngành xây dựng thành các chủ trương, các biện pháp, bước đi cụ thể phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, đơn vị thuộc Bộ mình. Đảng bộ các tổ chức KH&CN, các trường đại học, cao đẳng và các Tổng công ty trực thuộc Bộ có trách nhiệm phát triển đảng sâu rộng trong đội ngũ trí thức, đặc biệt đối với những nhà khoa học đầu ngành và những trí thức trẻ. Ủy ban kiểm tra của Đảng

bộ BXD làm đầu mối thường xuyên theo dõi, kiểm tra đôn đốc, định kỳ sơ kết, báo cáo tình hình và đề xuất ý kiến bổ xung, uốn nắn điều chỉnh các chủ trương, giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu nâng cao chất lượng hoạt động KH&CN tại BXD.

3.3. *Đổi mới cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động khoa học và công nghệ*

Hệ thống tổ chức KH&CN hiện tại của BXD cơ bản mới chỉ bảo đảm quản lý tốt ở cấp Bộ (do Vụ Khoa học công nghệ và môi trường chủ trì), chưa có sự thống nhất, đồng bộ và gắn kết giữa các khối đơn vị trực thuộc, đặc biệt chưa có sự kết nối với khối quản lý xây dựng địa phương. Vì vậy cần phải nghiên cứu kịp thời các giải pháp hoàn thiện cơ cấu tổ chức của hệ thống KH&CN cũng như đổi mới toàn diện cơ chế, chính sách quản lý hoạt động KH&CN tại BXD tương ứng với nhiệm vụ ngày càng phức tạp của ngành KH&CN của BXD trong giai đoạn mới.

a. *Đổi mới cơ cấu tổ chức hệ thống quản lý KH&CN ngành xây dựng*

Thứ nhất, mở rộng cơ cấu tổ chức hệ thống KH&CN ra khỏi phạm vi BXD, hướng tới quản lý toàn bộ viên chức KH&CN ngành xây dựng tại địa phương trên cả nước.

Hệ thống tổ chức quản lý KH&CN tại BXD hiện nay mới chỉ bó hẹp trong phạm vi BXD, chưa quản lý được hoạt động KH&CN tại tuyến địa phương, nhất là đối với cấp tỉnh. Vì vậy, đổi mới cơ cấu tổ chức hệ thống quản lý KH&CN ngành xây dựng toàn quốc bảo đảm hoạt động KH&CN ngành xây dựng được quản lý, chỉ đạo xuyên suốt từ BXD xuống đến các cấp và các khối.

Thứ hai, thống nhất và đồng bộ các cơ quan quản lý KH&CN tại các khối đơn vị trực thuộc Bộ.

Với các viện nghiên cứu. Đề xuất thành lập riêng phòng KH&CN ở cấp viện, ban KH&CN ở cấp phân viện để thay mặt Viện trưởng quản lý nhà nước toàn diện, chuyên sâu hoạt động KH&CN của viện, từ nhiệm vụ KH&CN, tiềm lực KH&CN cũng như dịch vụ KH&CN.

Với các trường đại học, cao đẳng, trung cấp. Đề xuất thống nhất tên phòng chức năng quản lý KH&CN tại các trường đại học trên là phòng KH&CN và thống nhất chức năng của các phòng này, nhiệm vụ của mỗi phòng của từng trường có thể có điểm khác biệt do đặc thù của từng trường.

Với các doanh nghiệp. Đề xuất thành lập Ban KH&CN trực thuộc Ban Tổng Giám đốc, quản lý mọi mặt hoạt động KH&CN trong phạm vi toàn tổng công ty; chức năng của các Ban này là như nhau, nhiệm vụ của từng Ban ở mỗi doanh nghiệp có thể khác nhau do đặc thù của từng doanh nghiệp.

b. *Đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động KH&CN*

Thứ nhất, đổi mới cơ chế hoạt động KH&CN. Trước hết, cần đổi mới cơ chế hoạt động của tổ chức KH&CN theo hướng đẩy mạnh cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và bố trí kinh phí hoạt động thường xuyên trong dự toán nhiệm vụ KH&CN, nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức KH&CN công lập. Thực hiện xã hội hoá các hoạt động KH&CN, đẩy nhanh tiến độ và triệt để thực hiện cơ chế tự chủ đối với các tổ chức KH&CN công lập theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP. Đặc biệt chú ý đẩy mạnh thực hiện cơ chế đặt hàng nhiệm vụ KH&CN gắn với trách nhiệm sử dụng kết quả phục vụ phát triển ngành và các địa phương. Áp dụng cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm KH&CN cuối cùng theo nguyên tắc lựa chọn đúng tổ chức, cá nhân thực hiện, và nghiệm thu trên cơ sở kết quả đầu ra.

Thứ hai, đổi mới cơ chế quản lý KH&CN. Tập trung xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý nhà nước về KH&CN để huy động tối đa các nguồn lực cho phát triển KH&CN ngành xây dựng, phát huy vai trò của cơ quan chức năng trong quản lý KH&CN, thực hiện đúng quy trình quản lý đối với từng nhiệm vụ KH&CN từ khâu đề xuất, tuyển chọn, giao nhiệm vụ, tổ chức thực hiện, nghiệm thu đến chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu. Áp dụng rộng rãi phương thức tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN một cách công khai, dân chủ. Xây dựng cơ sở dữ liệu

về chuyên gia đánh giá, tiêu chuẩn thành viên và cơ cấu hội đồng phù hợp với từng nhiệm vụ nghiên cứu.

Thứ ba, đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách tài chính cho hoạt động KH&CN. Đổi mới cơ chế, chính sách đầu tư tài chính cho hoạt động KH&CN theo hướng đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư cho KH&CN, xã hội hoá một số hoạt động KH&CN. Tăng đầu tư cho KH&CN từ Doanh nghiệp, các Trường Đại học, cơ sở đào tạo và tổ chức KH&CN. Bổ sung quy định cụ thể về bắt buộc trích lập và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN trong các Trường Đại học, cơ sở đào tạo và các tổ chức KH&CN. Ban hành cơ chế, chính sách để khắc phục cơ bản tình trạng phân tán nguồn vốn ngân sách nhà nước về đầu tư phát triển KH&CN. Cho phép bố trí kinh phí dự phòng để thực hiện các nhiệm vụ KH&CN đột xuất không theo năm kế hoạch. Đổi mới cơ chế quản lý tài chính đối với các hoạt động KH&CN.

3.4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ

So với mục tiêu và nhiệm vụ đề ra, đóng góp của đội ngũ nhân lực KH&CN của BXD chưa tương xứng với tiềm năng, chưa thực sự trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển ngành xây dựng trong giai đoạn mới. Thực tiễn đòi hỏi cần có những giải pháp đồng bộ và thiết thực để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực KH&CN của BXD trong giai đoạn mới.

Thứ nhất, về công tác tuyển dụng. Thực hiện tốt công tác tuyển chọn nguồn nhân lực KH&CN đáp ứng sự phát triển của ngành xây dựng trong giai đoạn mới cũng như nhiệm vụ KH&CN của mỗi tổ chức, đơn vị trực thuộc BXD, đồng thời bảo đảm sự kế thừa, liên thông và phát triển liên tục của cả hệ thống nhân lực KH&CN của Bộ. Trong tuyển dụng viên chức KH&CN của các cơ quan, đơn vị thuộc BXD, nên áp dụng hình thức thi tuyển kết hợp với phỏng vấn trực tiếp, kể cả đối với người tốt nghiệp đại học, cao đẳng bằng giỏi hay thạc sỹ, tiến sỹ các lĩnh vực xây dựng cũng như quản lý KH&CN, cần mở rộng phạm vi tuyển chọn ra các Bộ, ngành, địa phương trong toàn quốc (kể cả nguồn nhân lực từ Bộ Quốc phòng, Bộ Công an) và các nhà khoa học, nhà quản lý KH&CN có uy tín, năng lực, trình độ cao đang làm việc tại nước ngoài.

Thứ hai, về công tác quy hoạch phát triển. Công tác quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức trong hệ thống quản lý KH&CN của BXD cần phải được coi trọng, tuân thủ nghiêm túc các văn bản pháp quy, bám sát các chủ trương, chiến lược, quy hoạch có liên quan của Đảng, Nhà nước và BXD. Quy hoạch cần lựa chọn những cán bộ có tâm huyết, có phẩm chất, năng lực về nghiên cứu khoa học và công tác quản lý khoa học, thực hiện tốt công tác tạo nguồn đội ngũ cán bộ ở mọi cương vị, bảo đảm đội ngũ kế cận, kế tiếp dồi dào và vững chắc. Chính sách quy hoạch phát triển đội ngũ viên chức KH&CN phải hướng đến việc quy hoạch để đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức có chuyên môn giỏi, các chuyên gia đầu ngành, chuyên môn hóa ở các lĩnh vực xây dựng, nhất là các lĩnh vực chịu tác động lớn của cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Thứ ba, về đào tạo, bồi dưỡng. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực KH&CN của BXD cần căn cứ chặt chẽ vào quy hoạch phát triển cán bộ, viên chức KH&CN các cấp và bám sát sự vận động, phát triển nhiệm vụ KH&CN trong thực tiễn. Chú trọng công tác bồi dưỡng, cấp các chứng chỉ hành nghề chuyên môn, mở các lớp đào tạo sau đại học hoặc bổ túc ngắn hạn về quản lý KH&CN thường niên tại các trường đại học trực thuộc. Các trường đại học, viện nghiên cứu có chức năng đào tạo cần đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, bám sát nhu cầu của thị trường xây dựng. Đặc biệt ưu tiên đào tạo các chuyên gia, viên chức KH&CN có trình độ chuyên môn và năng lực quản lý cao, coi đây là giải pháp có tính đột phá trong chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức KH&CN của Bộ.

Thứ tư, về công tác sử dụng, bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ, viên chức KH&CN. Cần bố trí vị trí công tác, bổ nhiệm chức vụ viên chức KH&CN đúng lúc, đúng người, đúng việc. Cần thường xuyên đánh giá kết quả, hiệu quả công tác của mỗi cán bộ, viên chức để xem xét, điều chỉnh công việc cũng

như điều động, luân chuyển, biệt phái viên chức KH&CN đảm bảo đúng tiêu chuẩn, phù hợp với năng lực, sở trường. Đề cao vai trò của các cơ quan có thẩm quyền xem xét, quy định rõ trách nhiệm của người có thẩm quyền quản lý, sử dụng cán bộ, viên chức trong bổ nhiệm và thay đổi chức danh nghề nghiệp, thay đổi vị trí việc làm của đội ngũ nhân lực KH&CN. Việc bổ nhiệm chức danh khoa học, chức danh khoa học, chuyên môn kỹ thuật cần dựa trên các thành tích đạt được và đóng góp KH&CN.

Thứ năm, về công tác thi đua, khen thưởng. Bộ Xây dựng cần sớm điều chỉnh và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, các hướng dẫn liên quan đến chế độ thi đua, khen thưởng đối với cán bộ, viên chức KH&CN; có hình thức vinh danh trân trọng hơn với các nhà khoa học có thành tích xuất sắc. Đổi mới công tác thi đua, khen thưởng theo hướng giảm các thủ tục kê khai, minh chứng phức tạp đối với người được khen thưởng. Các mức thưởng và chế độ quy định tiền thưởng đối với các danh hiệu thi đua, khen thưởng cần tương xứng với hiệu quả, chất lượng các công trình nghiên cứu, sản phẩm KHCN mà cán bộ, viên chức KH&CN tạo ra.

Thứ sáu, về công tác xử lý kỷ luật. Căn cứ vào đặc thù công việc và chuyên ngành hoạt động nghề nghiệp của cán bộ, viên chức KH&CN để đưa ra những quy định về hình thức xử lý hành chính, kỷ luật riêng trong quy chế làm việc, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp nhằm quản lý đội ngũ nhân lực KH&CN chặt chẽ hơn, phát huy trách nhiệm làm việc cao hơn. Khi nhận được tố cáo hoặc phát hiện dấu hiệu vi phạm trong hoạt động KH&CN, Bộ cần giao cho Vụ KH&CN và môi trường hoặc ủy thác cho các đơn vị, các cơ quan chức năng liên quan điều tra thực tế và đề xuất ý kiến xử lý nhanh chóng, phù hợp. Tăng cường công tác thanh tra, giám sát, kiểm toán để kịp thời phát hiện vi phạm trong từng nhiệm vụ KH&CN để có biện pháp xử lý triệt để, bảo đảm hoàn thành mục tiêu đề ra và răn đe, ngăn ngừa các hiện tượng, dấu hiệu vi phạm, trục lợi.

Thứ bảy, về tiền lương và các chế độ chính sách, đãi ngộ. Xây dựng và thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh đội ngũ trí thức KH&CN, nhất là các chuyên gia đầu ngành trung thực, tận tụy, tâm huyết. Tạo môi trường, điều kiện vật chất, tinh thần thuận lợi nhất để cán bộ KH&CN có thể phát triển bằng tài năng và hưởng lợi ích xứng đáng với giá trị lao động sáng tạo của mình. Cần sớm có chính sách xếp lương và trả lương dành riêng cho cán bộ, viên chức KH&CN làm việc trong lĩnh vực khoa học xây dựng chuyên biệt, đặc thù, nguy hiểm, độc hại. Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với đội ngũ nhân lực KH&CN có cống hiến to lớn, đóng góp quan trọng cho sự phát triển của ngành xây dựng, cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cơ chế trả lương cần gắn với kết quả, hiệu quả thực hiện công việc, nhiệm vụ được giao đối với viên chức KH&CN.

3.5. Thúc đẩy liên kết Viện - Trường - Doanh nghiệp - Nhà nước

Thực tế việc liên kết Viện - Trường - Doanh nghiệp - Nhà nước cũng như hợp tác quốc tế về KHCN của BXD thời gian qua chưa đạt được mục tiêu, kỳ vọng mà Đảng, Nhà nước và chính BXD đặt ra trong các Nghị quyết, chiến lược phát triển KHCN ngành xây dựng có liên quan. Do đó, do đó cần phải xác định các giải pháp khoa học, khả thi, phù hợp với điều kiện đất nước và đặc thù của ngành để sớm đạt được các mục tiêu đề ra trên.

Thứ nhất, nâng cao vai trò của Nhà nước, Bộ, Ngành đối với liên kết. Bài báo đề xuất mô hình tương tác giữa Nhà nước, doanh nghiệp với các cơ viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng, trong đó Nhà nước có vai trò rất lớn đối với liên kết và đổi mới, được thể hiện bằng việc tạo ra môi trường pháp lý và môi trường xã hội thuận lợi để liên kết và đổi mới sáng tạo phát triển. Hệ thống chính sách đổi mới của Nhà nước liên quan chặt chẽ đến hoạt động liên kết giữa Viện - Trường - Doanh nghiệp - Nhà nước bao gồm ba thành tố là: đổi mới trong các trường đại học, cao đẳng và các viện nghiên cứu, đổi mới trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp và đổi mới trong hoạch định chính sách.

Thứ hai, xây dựng kế hoạch liên kết cần kết hợp chặt chẽ với nhiệm vụ chính trị của đơn vị mình. Các đơn vị thuộc BXD khi tham gia liên kết, trước tiên cần phải xác định rõ nhiệm vụ thường xuyên của đơn vị mình, mục tiêu cần đạt được trong giai đoạn trước mắt cũng như chiến lược phát triển lâu dài, cần nguồn lực gì từ các đối tác liên kết. Từ đó, xác định mục tiêu cần đạt được trong liên kết, mục tiêu chung của tổ chức trong giai đoạn trước mắt và trong tương lai.

Thứ ba, giải quyết tốt vấn đề sở hữu trí tuệ trong thực hiện liên kết. Kinh nghiệm cho thấy, quyền sở hữu trí tuệ là vấn đề nhạy cảm, có ảnh hưởng trực tiếp đến việc xây dựng và duy trì bền vững mối quan hệ liên kết Viện - Trường - Doanh nghiệp - Nhà nước.

Thứ tư, tuân thủ các nguyên tắc trong liên kết. Trong thực hiện liên kết giữa Viện - Trường - Doanh nghiệp - Nhà nước cần đặc biệt quan tâm và tuân thủ những nguyên tắc cơ bản nhằm xây dựng và duy trì liên kết một cách bền vững và có hiệu quả trong quản lý hoạt động KH&CN. Bài báo đề xuất những nguyên tắc cơ bản trong hoạt động liên kết giữa Viện - Trường - Doanh nghiệp - Nhà nước của BXD bao gồm: liên kết có tính mở, tính linh hoạt; liên kết được thực hiện từ trong ra ngoài, từ đơn giản đến phức tạp; liên kết bảo đảm nguyên tắc lợi ích và trách nhiệm; liên kết đảm bảo tính tự nguyện, tự chủ.

3.6. Tăng cường hợp tác quốc tế

Cần tăng cường hợp tác quốc tế nhằm nâng cao chất lượng quản lý hoạt động KH&CN ngành xây dựng với các nội dung như sau:

Thứ nhất, nâng cao hiệu quả phối hợp liên ngành giữa các cơ quan chức năng của Nhà nước và BXD trong tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN ngành xây dựng.

Thứ hai, mở rộng hợp tác quốc tế về KH&CN xây dựng theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa.

Thứ ba, có chính sách ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài trong đầu tư R&D và dịch vụ KH&CN xây dựng.

Thứ tư, đa dạng hóa các phương thức thu thập, làm chủ bí quyết kỹ thuật, công nghệ nên trong lĩnh vực xây dựng.

Để đạt được mục tiêu này, cần đa dạng hóa các kênh thu thập thông tin về các bí quyết liên quan đến công nghệ xây dựng mà nước ngoài hạn chế hợp tác, chuyển giao. Xây dựng cơ chế thu thập các thông tin về các bí quyết công nghệ nền, công nghệ phụ trợ, công nghệ xây dựng hiện đại của nước ngoài.

4. Một số biện pháp thực hiện nhằm nâng cao chất lượng quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Bộ Xây dựng

4.1. Kiến toàn, đổi mới cơ cấu tổ chức cơ quan khoa học và cơ quan quản lý KH&CN

a. Cần xác định rõ hướng nghiên cứu của hệ thống cơ quan nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của BXD, gồm:

Hệ thống các trường đại học: 4 trường đại học thuộc BXD không những là nơi đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao mà còn cần là các trung tâm nghiên cứu quan trọng của Bộ. Các trường đại học chủ yếu nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu phát triển công nghệ mũi nhọn.

Hệ thống các viện nghiên cứu như: Viện Khoa học công nghệ xây dựng, Viện Vật liệu Xây dựng, Viện Kiến trúc Quốc gia, Viện Kinh tế Xây dựng, Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia, Viện Quy hoạch xây dựng Miền Nam, về bản chất, các viện này đều có hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hệ thống các viện nghiên cứu chủ yếu nghiên cứu phục vụ dự báo và nghiên cứu chuyên sâu về các lĩnh vực ưu tiên, đặc thù.

Hệ thống nghiên cứu ở các doanh nghiệp: Tổng công ty Phát triển nhà và đô thị, Tổng công ty Viglacera, ... các nơi này chủ yếu nghiên cứu triển khai và ứng dụng.

b. Nội dung kiện toàn và đổi mới phải đạt được:

- Hoạt động nghiên cứu KH&CN hoàn toàn do các trường đại học và các cơ quan nghiên cứu có toàn quyền định đoạt - Điều này có nghĩa là các trường, các viện có quyền tổ chức hệ thống nghiên cứu của mình sao cho hiệu quả nhất, các nhà khoa học có quyền tự do tìm các nguồn tài trợ, tự do nghiên cứu và sáng tạo theo các ý tưởng mình muốn trên cơ sở tuân thủ luật pháp và các quy chế của các quỹ, hoặc tổ chức tài trợ kinh phí cho nghiên cứu.

- Đơn vị cơ bản thực hiện nghiên cứu chính là các phòng thí nghiệm - Các phòng thí nghiệm này trực thuộc các phòng nghiên cứu chuyên ngành thuộc các viện nghiên cứu hoặc các trường đại học. Mỗi phòng nghiên cứu như vậy bao gồm ít nhất từ 2 phòng thí nghiệm. Mỗi phòng thí nghiệm là một nhóm nghiên cứu khá độc lập do một cán bộ khoa học có uy tín phụ trách. Người đứng đầu phòng thí nghiệm có thể là phó giáo sư, giáo sư hay nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp và có từ 2 đến 3 nghiên cứu viên là những người có trình độ thạc sỹ, tiến sỹ; 3 đến 5 trợ lý nghiên cứu thường là học viên cao học hoặc nghiên cứu sinh. Mỗi phòng thí nghiệm như vậy chỉ có người đứng đầu là thuộc biên chế thường xuyên của trường/viện, còn những người khác thuộc hợp đồng có thời hạn, theo nhiệm kỳ của đề tài nghiên cứu (thường được thông báo tuyển chọn trên qui mô quốc gia hoặc quốc tế). Các phòng thí nghiệm có đầy đủ điều kiện về thiết bị và nhân lực để triển khai một nghiên cứu độc lập.

Mô hình các phòng thí nghiệm, trong đó người đứng đầu có vai trò như kiến trúc sư trưởng, đưa ra ý tưởng, xin kinh phí tài trợ từ các nguồn khác nhau và trực tiếp tuyển chọn đội ngũ nhân lực tham gia thực hiện đề tài. Đây là mô hình rất năng động. Các phòng thí nghiệm thực sự là nơi sản sinh ra các sản phẩm nghiên cứu KH&CN để công bố quốc tế, các sáng chế, đào tạo nghiên cứu sinh. Vì vậy, việc xây dựng được hệ thống các phòng thí nghiệm tiêu chuẩn có tầm quan trọng đặc biệt đối với trường đại học và viện nghiên cứu. Việc xác định hệ thống các phòng nghiên cứu và các phòng thí nghiệm phải dựa trên nhu cầu phát triển KH&CN, thế mạnh và nguồn nhân lực dẫn đầu của từng trường đại học, viện nghiên cứu, do hội đồng giáo sư xem xét và đề nghị.

- Các vị trí người đứng đầu (các Phó giáo sư và Nghiên cứu viên chính trở lên) là linh hồn của các phòng thí nghiệm được thiết kế, quy hoạch và thông qua một quy trình tuyển chọn chặt chẽ các ứng cử viên quốc gia và quốc tế. Quy trình này cho phép tuyển chọn được những người thực sự dẫn đầu trong lĩnh vực chuyên môn hẹp, là những người không những đã có kinh nghiệm trong nghiên cứu mà còn có kinh nghiệm trong chỉ đạo nghiên cứu và đặc biệt là những người đã có thành tích chuyên môn xuất sắc (trên cơ sở các công bố khoa học trong 5 năm gần nhất). Do vậy, các vị trí cho người đứng đầu này rất quan trọng, phải thực chất, được tuyển chọn công khai và bổ nhiệm theo tiêu chuẩn.

c. Đổi mới hệ thống cơ quan quản lý khoa học và công nghệ của Bộ Xây dựng:

Thực tiễn cần có 2 tổ chức ảnh hưởng và chi phối đối với hoạt động nghiên cứu KH&CN cấp Bộ (trước có 1), đó là Hội đồng khoa học cấp Bộ (do Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường thành lập – hiện nay gọi là Hội đồng khoa học chuyên ngành) và Quỹ Phát triển khoa học công nghệ BXD.

- Hội đồng khoa học cấp Bộ sẽ có hai chức năng chính là: (1) Tư vấn về đường lối, chính sách phát triển KHCN ngành xây dựng; (2) Tham gia thẩm định, xét duyệt, tuyển chọn các nhiệm vụ KHCN cấp Bộ.

- Thành viên của Hội đồng KHCN cấp Bộ sẽ thay đổi linh hoạt theo từng lĩnh vực, gồm các nhà chuyên gia đầu ngành đáp ứng các tiêu chí sau: (1) là người có kiến thức đặc biệt về những lĩnh vực khoa học và kỹ thuật của đề cương để có thể xem xét đánh giá năng lực người thực hiện, giá trị tri thức và lợi ích của các hoạt động nghiên cứu trong đề cương đó. (2) Là người có kiến thức rộng về lĩnh vực khoa học và kỹ thuật của các đề cương nhằm đánh giá các tác động rộng hơn của các hoạt động trong đề tài. (3) Là người có kiến thức tổng quát hơn phạm vi chuyên ngành của đề tài để có thể

đánh giá với tầm nhìn mang tính liên ngành, và trong trường hợp cần thiết thì có nhận thức toàn diện các vấn đề ở tầm quốc gia và quốc tế.

- Kinh phí sự nghiệp KH&CN hàng năm của BXD sẽ cấp thẳng về Quỹ: Đây là cơ chế tài chính hoàn toàn chủ động cho Quỹ đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước được phê duyệt hàng năm. Theo đó, hội đồng Quỹ chỉ cần báo cáo Bộ Tài chính về tình hình hoạt động mỗi năm 1 lần. Quỹ sẽ trực tiếp nhận nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn tài trợ (nếu có) và cấp tới các đề tài khoa học hàng năm theo các quy định tài chính hiện hành mà không phải thông qua một cơ quan nào khác. Khi đó việc xét duyệt nhiệm vụ, đề tài không còn bị phụ thuộc vào tiến độ cấp kinh phí hoặc tiến độ giải ngân theo quy định năm tài chính của Bộ Tài chính hoặc Kho Bạc nhà nước. Cơ chế này sẽ giúp gọn được quy trình gửi kế hoạch, báo cáo và chờ đợi sự thẩm định của Bộ Tài chính đồng thời trao quyền chủ động cho các nhà khoa học, gắn trách nhiệm cho chính các nhà khoa học và quản lý khoa học.

4.2. Nâng cao nguồn nhân lực KHCN ngành xây dựng

a. Tăng cường số lượng lãnh đạo cấp Viện cho các tổ chức căn cứ vào mức độ tự chủ của các đơn vị nhằm tăng cường năng lực chỉ đạo thực hiện của các tổ chức KH&CN

Trên cơ sở Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ về Quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học công nghệ công lập, chúng ta cần mạnh dạn đề xuất cơ cấu lãnh đạo đơn vị của đơn vị sự nghiệp khoa học cần có đặc thù:

- Với các viện tự chủ trên 70% chi thường xuyên, có 4 cấp phó.
- Viện tự chủ chi thường xuyên sẽ được cơ cấu 5 cấp phó.
- Với các viện tự chủ cả chi thường xuyên và chi đầu tư sẽ được cơ cấu 06 cấp phó.

b. Coi trọng đội ngũ lãnh đạo cấp phòng

Đối với hoạt động KH&CN hiện nay chưa có chương trình bồi dưỡng riêng đối với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực KH&CN. Trước khi bổ nhiệm, lãnh đạo cấp phòng của các tổ chức KH&CN được cử đi học lớp quản lý cấp phòng do Bộ Nội vụ tổ chức, nội dung đào tạo này mới chỉ tập trung đến công tác quản lý nhà nước, công việc hành chính liên quan đến cấp phòng, mà chưa có nội dung về KH&CN.

c. Hoàn thiện các chính sách đối với nhà khoa học, đặc biệt là nhà khoa học trẻ

Tại các viện nghiên cứu, cần có chính sách khuyến khích đãi ngộ với các sinh viên mới tốt nghiệp. Theo đó, các Viện Vật liệu Xây dựng, Viện Khoa học công nghệ xây dựng nơi có các Phòng thí nghiệm chuyên ngành cần có chính sách ưu tiên, mở cửa, mời gọi các sinh viên xuất sắc, sinh viên đam mê nghiên cứu có thể về thực tập, làm việc tại các Phòng thí nghiệm ngay từ khi các em còn là cho các sinh viên năm 3, năm 4 từ tất cả các trường đại học có chuyên ngành, chuyên môn liên quan. Từ đó có thể phát hiện và đào tạo chuyên sâu, tăng cường số lượng các nghiên cứu viên có năng lực.

Cho phép các nhà khoa học trẻ được phép làm việc ngắn hạn tại các tổ chức KH&CN nước ngoài mà vẫn đảm bảo vị trí công việc hiện tại trong nước.

4.3. Nâng cao quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

a. Thiết lập hệ thống ghi nhận công nghệ mới

Để bảo đảm việc hỗ trợ tài chính cho đầu tư R&D được chính xác, Hệ thống này sẽ là cơ sở khoa học cho việc thẩm định để hỗ trợ kinh phí cho những sản phẩm công nghệ mới đang trong giai đoạn tiếp cận thị trường. Bất kỳ công nghệ mới nào đạt tiêu chuẩn do Bộ KH&CN quy định thì đơn vị phát kiến sẽ được hỗ trợ dưới dạng quyền ưu tiên bán cho các cơ quan Nhà nước.

b. Cấp bảo lãnh cho các khoản vay phục vụ R&D

Để hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ vay vốn đầu tư cải tiến công nghệ, Quỹ Phát triển KH&CN của Bộ cần đưa vào vận hành cơ chế cấp bảo lãnh cho các khoản vay phục vụ R&D.

c. Hỗ trợ kinh phí rút ngắn khoảng cách tụt hậu về KH&CN

Trong xu thế phát triển KH&CN ngày nay, Nhà nước cần hỗ trợ kinh phí để các doanh nghiệp và tổ chức KH&CN có thể tiến hành khắc phục khoảng cách tụt hậu về KH&CN qua ba giai đoạn:

Giai đoạn 1: Rút ngắn khoảng cách tụt hậu về sử dụng kết quả KH&CN.

Giai đoạn 2: Rút ngắn khoảng cách tụt hậu về nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ.

Giai đoạn 3: Rút ngắn khoảng cách tụt hậu về nghiên cứu cơ bản.

Để rút ngắn khoảng cách về nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ, trước hết phải phát triển năng lực nghiên cứu ứng dụng của quốc gia, tăng cường tham gia mạng lưới nghiên cứu ứng dụng quốc tế. Cần hình thành một đội ngũ nhân lực KH&CN đủ mạnh và tương ứng là hệ thống tổ chức R&D, hệ thống thông tin phục vụ nghiên cứu, nguồn vốn đầu tư nghiên cứu và hoàn thiện công nghệ mới, chiến lược phát triển quốc gia về R&D. Rõ ràng, rút ngắn khoảng cách cách tụt hậu về nghiên cứu cơ bản ở đây khó hơn hẳn việc rút ngắn tụt hậu về ứng dụng kết quả KH&CN.

Để khắc phục khó khăn do nhiều tri thức khoa học ở các nước có trình độ KH&CN phát triển chưa được nghiên cứu giải mã, viện nghiên cứu ở nước ta phải tăng cường tham gia và tham gia có hiệu quả vào các chương trình nghiên cứu quốc tế với các nước công nghiệp phát triển, hoặc tranh thủ thu hút lực lượng các nhà khoa học của các nước công nghiệp tiên tiến. Theo kinh nghiệm của thế giới, có rất nhiều hình thức để lựa chọn như: Mời nhà khoa học nước ngoài về giảng dạy và nghiên cứu; lập các viện nghiên cứu ở nước ngoài và thuê chuyên gia nghiên cứu nước ngoài; tranh thủ hoạt động nghiên cứu của các công ty xuyên quốc gia ...

Để khắc phục khó khăn trong việc cần có tri thức cần thiết nhằm tiếp nhận thành tựu KH&CN tiên tiến từ bên ngoài, các viện nghiên cứu ở nước ta phải đi trước trong việc nắm vững những nguyên lý KH&CN, làm chủ kết quả nghiên cứu và truyền đạt thành công cho doanh nghiệp. Nhằm giải quyết tình trạng kết quả nghiên cứu bị giữ kín như là bí quyết cạnh tranh, viện nghiên cứu ở nước ta phải có những công trình NCKH đủ sức “giải mã” phần công nghệ ẩn giấu trong hàng hoá được tự do lưu thông trên thị trường.

d. Thành lập cơ sở dữ liệu về các chuyên gia KH&CN

Cần có sự linh hoạt trong việc lựa chọn thành viên Hội đồng thẩm định các đề cương nghiên cứu khoa học. Nhưng để làm được như vậy, Bộ cần phải tăng cường xây dựng hệ thống dữ liệu về đội ngũ các chuyên gia khoa học trong và ngoài nước, khi cần có thể nhanh chóng đánh giá được ai là lựa chọn thích hợp và thiết lập mối liên lạc được với những người này. Khi xây dựng hệ thống dữ liệu về đội ngũ các chuyên gia khoa học cần lưu ý lựa chọn các nhà khoa học có năng lực và kinh nghiệm thực sự, không chỉ dựa trên bằng cấp, học hàm, học vị mà cần phải dựa trên các kết quả KH&CN đã công bố trong thời gian 5 năm gần đây và những nhà khoa học đã đạt các giải thưởng khoa học trong các lĩnh vực tương ứng.

5. Kết luận

Từ những kết quả đánh giá thực trạng quản lý hoạt động KH&CN tại BXD trong giai đoạn từ 2011-2019, một số hạn chế cơ bản và nguyên nhân hạn chế về chất lượng quản lý hoạt động KH&CN đã được làm rõ. Từ đó, một số giải pháp, biện pháp đã được đề xuất nhằm nâng cao chất lượng quản lý hoạt động KH&CN tại BXD, bảo đảm bám sát và thống nhất với quan điểm của Đảng, Nhà nước về

phát triển KH&CN trong giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2030. Nội dung của các giải pháp đề xuất vừa mang tính cấp thiết trước mắt, vừa có tính chiến lược. Các giải pháp này có thể được nghiên cứu thực hiện thí điểm trước với những điều kiện khả thi nhất định, sau đó triển khai theo lộ trình hợp lý, phù hợp với thực tiễn vận động, phát triển của ngành xây dựng trong nước và quốc tế. Việc triển khai các giải pháp trên sẽ góp phần nâng cao chất lượng quản lý hoạt động KH&CN tại BXD trong tương lai, cũng như góp phần phát triển ngành xây dựng nhanh, bền vững.

Tài liệu tham khảo

- [1] Minh, N. Q. (2016). *Thực trạng và giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học tại Bộ Xây dựng giai đoạn 2009 – 2014*. *Tạp chí Khoa học Công nghệ Xây dựng (TCKHCNXD) - ĐHXD*, 10(1):126–130.
- [2] Minh, N. Q., Thanh, N. N. (2016). Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng công tác tổ chức, quản lý hoạt động khoa học công nghệ ở Bộ Xây dựng. *Tạp chí Xây dựng, Bộ Xây dựng*, (12):50–52.
- [3] Minh, N. Q., Thanh, N. N. (2017). *Thực trạng chất lượng công tác tổ chức, quản lý hoạt động khoa học và công nghệ ở Bộ Xây dựng*. *Tạp chí Khoa học Công nghệ Xây dựng (TCKHCNXD) - ĐHXD*, 11(1):82–86.
- [4] Minh, N. Q., Thanh, N. N., Hưng, C. V. (2017). Ứng dụng mô hình phân tích SWOT đánh giá chất lượng công tác tổ chức, quản lý hoạt động khoa học và công nghệ ở Bộ Xây dựng. *Tạp chí Xây dựng, Bộ Xây dựng*, (32):138–140.
- [5] Minh, N. Q., Hưng, C. V. (2018). Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chất lượng công tác tổ chức, quản lý hoạt động khoa học công nghệ. *Tạp chí Kỹ thuật & Trang bị, Tổng cục kỹ thuật, Bộ Quốc phòng*, (219):30–32.
- [6] Chính phủ (2012). *Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 phê duyệt chiến lược phát triển KHCN giai đoạn 2011 - 2020*.
- [7] Chính phủ (2014). *Nghị định 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động Khoa học và Công nghệ*.
- [8] Chính phủ (2016). *Quyết định số 171/QĐ-TTg ngày 27/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*.
- [9] Bộ Xây dựng (2013). *Quyết định số 527/QĐ-BXD ngày 29/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành "Chiến lược phát triển khoa học công nghệ ngành Xây dựng đến năm 2020, tầm nhìn 2030"*.
- [10] Bộ Xây dựng (2015). *Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ*.
- [11] Bộ Xây dựng (2018). *Quyết định số 1717/QĐ-BXD ngày 31/12/2018 Ban hành Kế hoạch hành động của ngành Xây dựng thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4*.
- [12] Bộ Xây dựng (2010). *Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành Xây dựng giai đoạn 2011-2020*.